

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Đoàn Thị Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 02/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quỳnh T; đăng ký HKTT: Số 2 B254, Khu T2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 37, gác 2, lô 8, A, phường A, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Tiến V; đăng ký HKTT: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng (hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng); vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 07-7-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Quỳnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Tiến V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

vào năm 2015. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày, anh V luôn chơi bời, không chịu lao động và không có trách nhiệm gì với gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Gia đình đôi bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng cũng không có kết quả. Do vậy, khoảng từ cuối năm 2017 đến nay, chị và anh V đã sống ly thân, chị về nhà bố mẹ để ở, cả đôi bên không còn liên lạc và không có quan tâm gì đối với nhau, việc ai người ấy làm. Nay, chị xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 con là Trần Anh V1, sinh ngày 21-3-2015; đơn khởi kiện và bản tự khai, chị đề nghị giao con cho anh V nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay anh V đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng và ngày 27-4-2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xử phạt 33 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, do vậy chị đề nghị giao con cho chị nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh V không có.

Tại Bản tự khai ghi ngày 08-9-2021, bị đơn là anh Trần Tiến V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn giữa anh và chị T sống hòa thuận và hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do phong cách sống của hai bên không còn phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xúc phạm lẫn nhau. Nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng xin được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con là Trần Anh V1, sinh ngày 21-3-2015. Ly hôn, anh đề nghị giao con cho chị T nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh V theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh V theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hòa giải, anh V và chị T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành việc hòa giải.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V; về con chung chị nhận nuôi; về tài sản chung, chị và anh V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không tuân thủ giấy triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về hôn nhân, đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh V.

Về con chung, đề nghị giao cháu Trần Anh V1 cho chị T nuôi dưỡng.

Về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh V vắng mặt nhưng anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, anh V bị đơn là cư trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 12-01-2015. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập, được xác định: Trong quá trình hôn nhân, chị T và anh V chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh V nghiện ma túy dẫn đến việc anh chị xảy ra nhiều bất đồng, cãi vã, chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải cho anh chị được đoàn tụ nhưng không có kết quả; anh, chị sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, không còn liên lạc và không có trách nhiệm gì đối với nhau; cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Xét thấy, cuộc sống chung giữa chị T và anh V không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh V và chị T có 01 con là Trần Anh V1, sinh ngày 21-3-2015; hiện nay, anh V đang phải chấp hành án phạt tù nên không đảm bảo được việc nuôi con; chị T là lao động tự do nhưng bán hàng online, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, nên đảm bảo được việc nuôi con; hơn nữa, cả chị T và anh V đều thống nhất khi ly hôn sẽ giao con cho chị T nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh V không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Quỳnh T được ly hôn Anh Trần Tiến V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh V1, sinh ngày 21-3-2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0003604 ngày 29-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm